TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-4-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Kiên Trung.

Bà Lê Thị Hồng Loan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Ngọc Thanh T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn X, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Ngọc Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Tháng 4/2012 chị T và anh Đỗ Văn X tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới, đến ngày 08/3/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh phúc. Chị T và anh X sống ly

thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh X; về con chung: trong thời gian chung sống chị T và anh X có ba con chung tên Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 18/8/2013, Đỗ Gia H, sinh ngày 24/12/2015 và Đỗ Ngọc Hạnh D, sinh ngày 18/01/2020, hiện nay Quỳnh N, Gia H và Hạnh D đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu nuôi dưỡng 03 con chung là cháu N, cháu H và cháu D cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị T và anh X không có tài sản chung và nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn số 87, họ và tên chồng Đỗ Văn X, sinh năm 1988, họ và tên vợ Đỗ Ngọc Thanh T, sinh năm 1989, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/3/2013 (bản chính); Giấy khai sinh số 357 họ và tên Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 18/8/2013, họ và tên mẹ Đỗ Ngọc Thanh T, họ và tên cha Đỗ Văn X, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/9/2013 (bản sao); Trích lục khai sinh số 02/TLKS-BS ngày 12/01/2016 họ và tên Đỗ Gia H, sinh ngày 24/12/2015, họ và tên mẹ Đỗ Ngọc Thanh T, họ và tên cha Đỗ Văn X, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký ngày 06/01/2016 (bản sao); Trích lục khai sinh số 74/TLKS-BS ngày 05/3/2020 họ và tên Đỗ Ngọc Hạnh D, sinh ngày 18/01/2020, họ và tên mẹ Đỗ Ngọc Thanh T, họ và tên cha Đỗ Văn X, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký ngày 05/3/2020 (bản sao). Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan có thẩm quyền cấp và trích lục nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Đỗ Văn X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, anh X không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa anh X vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Nguyễn Thị H ngày 16/02/2023, bà H trình bày: Anh Đỗ Văn X là con ruột của bà H đang sống chung với bà H, chị Đỗ Ngọc Thanh T là con dâu. Anh X đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh X không đồng ý đến Tòa án vì bận đi làm. Trong quá trình chung sống anh X và chị T có ba con chung là Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 18/8/2013, Đỗ Gia H, sinh ngày 24/12/2015 và Đỗ Ngọc Hạnh D, sinh ngày 18/01/2020, hiện nay Quỳnh N, Gia H và Hạnh D đang sống chung với chị T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho chị T ly hôn với anh X; về con chung: giao con chung là Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 18/8/2013, Đỗ Gia H, sinh ngày 24/12/2015 và Đỗ Ngọc Hạnh D, sinh ngày 18/01/2020 cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên; tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu, nên không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Đỗ Ngọc Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Đỗ Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đỗ Ngọc Thanh T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị T. Chị T và anh X kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị T và anh X không chung sống cùng nhau từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị T được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu của chị T về con chung. Các con chung giữa chị T và anh X là Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 18/8/2013, Đỗ Gia H, sinh ngày 24/12/2015 và Đỗ Ngọc Hạnh D, sinh ngày 18/01/2020. Hiện nay Quỳnh N, Gia H và Hạnh D

đang sống chung với chị T. Chị T đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt các cháu, các cháu được đi học theo đúng độ tuổi. Hiện nay, chị T có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung; cháu Như và cháu Huy có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị T. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đỗ Quỳnh N, Đỗ Gia H và Đỗ Ngọc Hạnh D cho chị Đỗ Ngọc Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu H và cháu D thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh X không ai được cản trở. Anh X không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị T. Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con, anh X không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, nên anh X không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, anh X không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh X không chịu án phí; chị T phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Ngọc Thanh T.

1. Về hôn nhân: cho chị Đỗ Ngọc Thanh T và anh Đỗ Văn X ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 18/8/2013, Đỗ Gia H, sinh ngày 24/12/2015 và Đỗ Ngọc Hạnh D, sinh ngày 18/01/2020 cho chị Đỗ Ngọc Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu H và cháu D thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh X không ai được cản trở. Anh X không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị T. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, anh X không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh X không phải chịu án phí; chị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005050 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng.KTNV-THA);
- UBND Phường X, Quận X, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan